

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tuyền

Ông Vũ Văn Tu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh năm 1988 tại **huyện T, tỉnh Hải Dương**.

Nơi cư trú: **thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn H** và bà **Trần Thị T**; có vợ **Vũ Thị N1** và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/9/2023 đến ngày 14/9/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N** cho đến nay (có mặt)

- Bị hại: Anh **Trần T1**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **xóm A, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh **Đoàn Văn T2**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **xóm A, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình** (theo ủy quyền số 234 lập ngày 12/9/2023) - có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Phạm Chí T3**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).

2. Anh **Đoàn Văn T2**, sinh năm 1982 (có mặt)

3. Chị **Phạm Thị N2**, sinh năm 1986 (có mặt)
 4. Anh **Đoàn Văn B**, sinh năm 1989 (vắng mặt)
- Đều cư trú: **xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình**.
5. Anh **Nguyễn Hà B1**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).
 6. Anh **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **số nhà E, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).
- *Người làm chứng:*
- Chị **Vũ Thị N1**, sinh năm 1988 (có mặt);
- Anh **Hà Văn N3**, sinh năm 1982; anh **Nguyễn Đức G**, sinh năm 1984 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 2021, **Phạm Văn N** đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái **Trần T1** tại **số A, phố K, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình** do anh **Trần T1** làm chủ (anh **T1** giao cho **Đoàn Văn T2** làm quản lý) để thuê 02 xe ô tô trị giá 730.000.000 đồng. Sau khi thuê xe ô tô, **N** mang đi cầm cố lấy số tiền 300.000.000 đồng tiêu sài cá nhân và trả nợ hết, cụ thể như sau:

Tháng 3/2021, **Phạm Văn N** và vợ là chị **Vũ Thị N1** đến thuê trọ tại **phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Quá trình ở trọ **N** quen anh **Phạm Chí T3** là người cùng xóm trọ. Do cần phương tiện đi lại **N** nhờ anh **T3** chỉ chỗ thuê xe ô tô tự lái. Trước đó anh **T3** đã thuê xe của **cửa hàng T5** với anh **Đoàn Văn T2** nên **T3** đã liên lạc với anh **T2** hỏi thuê xe cho **N**, anh **T2** đồng ý. Ngày 23/6/2021, anh **T3** dẫn **N** đến nhà anh **T2** để làm thủ tục lập hợp đồng thuê xe ô tô 04 chỗ, nhãn hiệu Kia Morning, biển kiểm soát 35A-145.07 với giá 450.000 đồng/01 ngày, trả theo tháng là 12.000.000 đồng/01 tháng, thời gian thuê xe 01 tháng. Khi cho thuê xe, anh **T2** bàn giao cho **N** giấy tờ xe gồm: 01 "Giấy đăng ký xe (bản sao) mang tên chị **Phạm Thị N2** (vợ anh **T2**); 01 Giấy chứng nhận kiểm định (bản gốc); 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự (bản gốc). Đầu tháng 7/2022 do cần xe ô tô gầm cao để đi lại **N2** đã tự liên lạc với anh **T2** hỏi thuê xe ô tô 07 chỗ, anh **T2** đồng ý. Ngày 03/7/2021, **N2** đến nhà anh **T2** làm thủ tục lập hợp đồng thuê xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát 35A-152.38 với giá 700.000 đồng/01 ngày, trả theo tháng là 18.000.000 đồng/01 tháng, thời gian thuê xe 01 tháng. Khi cho thuê xe anh **T2** bàn giao cho **N2** giấy tờ xe gồm: 01 Giấy đăng ký xe (bản sao) mang tên anh **Đoàn Văn B** (em ruột của anh

T2); 01 Giấyúng nhận kiểm định (bản gốc); 01 Giấyúng nhận bảo hiểm dân sự (bản gốc).

Sau khi thuê được 02 xe ô tô, do cần tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân, N2 nhờ anh T3 tìm nơi cầm cố xe ô tô. Ngày 05/7/2021, N2 cùng anh T3 điều khiển xe ô tô Kia Morning, biển kiểm soát 35A-145.07 đến nhà anh Hà Văn N3 tìm chỗ cầm cố xe ô tô, anh Nam giới thiệu N2 đến gặp anh Nguyễn Hà B1 là người cùng thôn với anh N3. Tại nhà anh B1, N2 đã cầm cố chiếc xe ô tô Kia Morning cho anh B1 để vay 100.000.000 đồng nhưng viết “Giấy bán xe” theo yêu cầu của anh B1 với nội dung “N2 bán cho anh B1 01 xe ô tô 04 chỗ nhãn hiệu Kia Morning, màu trắng, số sàn biển kiểm soát 35A-145.07 với giá 100.000.000 đồng” và bàn giao cho anh B1 toàn bộ giấy tờ xe ô tô như lúc thuê. Khoảng cuối tháng 7/2021, do còn nhiều khoản nợ chưa trả, N2 tiếp tục nhờ anh T3 tìm nơi cầm cố xe để lấy tiền trả nợ. Anh T3 cho N2 số điện thoại của anh Nguyễn Đức G để liên hệ cầm cố xe. Ngày 28/7/2021, N2 điều khiển xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 35A-152.38 đến nhà anh G để cầm cố vay 200.000.000 đồng. Anh G không đồng ý, giới thiệu N2 đến gặp anh Nguyễn Ngọc A trao đổi việc cầm cố xe. Sau khi thống nhất, N2 cầm cố xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 35A-152.38 cho anh Ngọc A để vay 200.000.000 đồng nhưng viết “Giấy bán xe” theo yêu cầu của anh Ngọc A với nội dung: N2 bán cho anh Ngọc A 01 xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Toyota Fortuner, màu đen, số sàn, biển kiểm soát 35A-152.38 với giá 200.000.000 đồng và giao cho anh Ngọc A toàn bộ giấy tờ xe như lúc thuê.

Sau khi nhận được số tiền 300.000.000 đồng từ việc cầm cố 02 xe ô tô, N2 đã sử dụng để trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Đến tháng 12/2021, anh T2 nhiều lần liên lạc yêu cầu N2 mang 02 xe ô tô đã thuê về trả thì N2 đã bỏ trốn, tắt điện thoại, cắt đứt liên hệ với anh T2. Anh T4 và anh T1 chủ cửa hàng nhiều lần liên lạc với N2 yêu cầu trả lại 02 xe ô tô và tiền thuê xe nhưng không được. Ngày 15/9/2022, anh T1 làm đơn tố giác N2 lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô của anh T1.

Ngày 05/9/2023, Phạm Văn N đến Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình ra yêu cầu định giá đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình tiến hành định giá 02 xe ô tô nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KLĐG ngày 10/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: “Giá trị xe ô tô 04 chỗ, nhãn hiệu Kia Morning, màu trắng, số sàn, biển kiểm soát 35A-145.07 mới mua đăng ký lần đầu năm 2019 tại thời điểm 9/2023 là

210.000.000 đồng”

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/KLĐG ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: “Giá trị xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Toyota Fortuner, màu đen, số sàn, biển kiểm soát 35A-152.38 đăng ký lần đầu năm 2014, xe mua cũ đăng ký lại năm 2019 tại thời điểm tháng 9/2023 là 497.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra xác định tại thời điểm N chiếm đoạt 02 xe ô tô trên là tháng 7/2021. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra yêu cầu định giá đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình tiến hành định giá lại giá trị đối với 02 xe ô tô nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/2024/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận: “Giá trị xe ô tô con 04 chỗ, nhãn hiệu Kia Morning, năm sản xuất 2019, màu trắng, số sàn, biển kiểm soát 35A-145.07 tại thời điểm 7/2021 là 210.000.000 đồng. Giá trị xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Toyota Fortuner, năm sản xuất 2014, màu đen, số sàn, biển kiểm soát 35A-152.38 đăng ký lần đầu tại thời điểm tháng 7/2021 là 520.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra anh Trần T1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình 02 hợp đồng thuê xe gồm:

- 01 ợp"Hợp đồng thuê xe số: 01 - HĐTX ngày 23/6/2021 “BÊN A” (Bên thuê) là ông Phạm Văn N, “BÊN B” (Bên cho thuê) là anh Trần Tiến. Dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” có chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Văn N, ký hiệu A1.

- 01 Hợp đồng thuê xe ngày 03/7/2021, Bên cho thuê (BÊN A) là ông Trần T1, Bên thuê xe (BÊN B) là Phạm Văn N. Dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Văn N, ký hiệu A2.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra ết"Quyết định trưng cầu giám định Phòng K Công an tỉnh N giám định tài liệu chữ ký, chữ viết của Phạm Văn N đối với 02 "hợp"Hợp đồng cho thuê xe ô tô nêu trên, mẫu so sánh là 01 “Đơn xin đầu thú” đề ngày 05/9/2023 (ký hiệu M1); 02 “Bản tự khai/Bản tường trình” đề ngày 05/9/2023 và ngày 10/9/2023 (ký hiệu M2, M3) đều do Phạm Văn N viết, ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 403/KL-KTHS-TL ngày 08/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “Chữ viết, chữ ký dưới mục “Đại diện bên trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “Đại diện "bên B" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết, ký ra”.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Đối với các anh Nguyễn Hà B1 và Nguyễn Ngọc A: N khai giao dịch với

anh **Nguyễn Hà B1** và **Nguyễn Ngọc A** là giao dịch cầm cố xe ô tô để vay tiền với lãi suất là 6.000 đồng/01 ngày. Do anh **B1** và anh **Ngọc A** yêu cầu nên **N** mới viết “Giấy bán xe”, **N** chuyển khoản cho anh **B1** số tiền 39.000.000 đồng từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021 và **N** chuyển cho anh **Ngọc A** số tiền 56.000.000 đồng từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021 là tiền lãi **N** trả cho anh **B1** và anh **Ngọc A**. Tuy nhiên anh **B1** và anh **Ngọc A** xác định: Giao dịch với **N** là giao dịch mua bán xe vì **N** đã viết “Giấy bán xe”. Sau khi bán xe, **N** đề nghị cho chuộc lại xe, tiền chuyển khoản là để chuộc xe không phải là tiền trả lãi. Quá trình điều tra xác định: Các giao dịch **N** chuyển khoản cho anh **B1** và anh **Ngọc A** có nội dung “Em ỏc chuyện” “Ngoc chuyen tien xe” hoặc không ghi nội dung giao dịch cụ thể; số tiền và thời gian chuyển không cố định, không phù hợp với số tiền lãi như **N** khai, chưa có tài liệu khác chứng minh về thời hạn cầm cố, trả lãi, chưa chứng minh được người đến chuộc xe là ai?, vật chứng của vụ án là 02 chiếc xe ô tô chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến **Nguyễn Hà B1** và **Nguyễn Ngọc A** để tiếp tục điều tra, xác minh.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Anh **Trần T1** yêu cầu **Phạm Văn N** phải bồi thường tổng số tiền là 850.000.000 đồng trong đó: Giá trị 02 xe ô tô là 730.000.000 đồng, tiền thuê 02 xe ô tô là 120.000.000 đồng. Quá trình điều tra gia đình bị cáo **Phạm Văn N** đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh **T1** số tiền 500.000.000 đồng, anh **T1** yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 350.000.000 đồng.

Tại ảo Phúc\\Downloads\\21" \o "bản cáo" bản Cáo trạng số: 27/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 9 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo **Phạm Văn N** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Phạm Văn N** thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh **Đoàn Văn T2** xác nhận quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 25/9/2024 gia đình bị cáo **Phạm Văn N** đã bồi thường hết số tiền còn thiếu cho bị hại là 350.000.000 đồng và anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn N** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 4, khoản 5 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/9/2023. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại tổng số tiền 850.000.000 đồng. Bị hại xác nhận đã nhận đủ số tiền nêu trên và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên tại phiên tòa hôm nay không xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo **Phạm Văn N** đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; phù hợp với Bản kết luận giám định số: 403/KL-KTHS-TL ngày 08/5/2024 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: “*Chữ viết, chữ ký dưới mục “Đại diện bên A” trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “Đại diện bên B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết, ký ra*” cũng như Bản kết luận định giá tài sản số: 09/2024/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Giá trị xe ô tô con 04 chỗ, nhãn hiệu Kia Morning, năm sản xuất 2019, màu trắng, số sàn, biển kiểm soát 35A-145.07 tại thời điểm 7/2021 là 210.000.000 đồng. Giá trị xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Toyota Fortuner, năm sản xuất 2014, màu đen, số sàn, biển kiểm soát 35A-152.38 đăng ký lần đầu tại thời điểm tháng 7/2021 là 520.000.000 đồng*” và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định: Do cần xe ô tô làm phương tiện đi lại làm ăn, **Phạm Văn N** đã đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái do anh **Trần T1** làm chủ, anh **Đoàn Văn T2** là người quản lý để ký 02 hợp đồng thuê xe ô tô cụ thể: Ngày 23/6/2021, **Phạm Văn N** thuê xe ô tô 04 chỗ, nhãn hiệu Kia Morning, màu trắng, số sàn, biển kiểm soát 35A-145.07 trị giá 210.000.000 đồng. Ngày 03/7/2021, **Phạm Văn N** tiếp tục thuê xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Toyota Fortuner, màu đen, số sàn, biển kiểm soát 35A-152.38 trị giá 520.000.000 đồng. Sau khi thuê được 02 xe ô tô do việc kinh doanh thua lỗ, nợ nần nhiều nên **N** đã mang 02 xe ô tô trên cầm cố cho các anh **Nguyễn Hà B1** và **Nguyễn Ngọc A** với tổng số tiền là 300.000.000 đồng để tiêu sài và trả nợ cá nhân. Sau đó **N** bỏ trốn khỏi địa phương, tắt điện thoại, cắt liên lạc với chủ xe

nhằm trốn tránh trách nhiệm thanh toán hợp đồng dẫn đến 02 xe ô tô bị thất lạc đến nay không thu hồi được để trả cho anh **Trần Tiến**. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 730.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo **Phạm Văn N** đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều 175: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

.....

2.

3.

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng việc thuê xe ô tô tự lái sau đó dùng chính xe ô tô đó đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây bất bình cho bị hại và trong quần chúng nhân dân, do đó cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/6/2023 đến ngày 03/7/2023 bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi thuê xe ô

tô tự lái của anh **T1** sau đó mang đi cầm cố 02 chiếc xe ô tô trên của anh **T1** đều có giá trị từ 4.000.000 đồng trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục xong số tiền 850.000.000 đồng cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi bỏ trốn khỏi địa phương ngày 05/9/2023 đã tự nguyện đến **Công an huyện K**, tỉnh Ninh Bình đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo ở "dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ và hiện không còn tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô của anh **Trần T1** có tổng giá trị là 730.000.000 đồng và số tiền 120.000.000 đồng là thuê 02 xe ô tô bị cáo chưa trả cho anh **T1**. Tổng số tiền anh **Trần T1** yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 850.000.000 đồng. Quá trình điều tra gia đình bị cáo **Phạm Văn N** đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh **T1** số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 25/9/2024 bị cáo đã tác động gia đình bồi thường tiếp cho anh **T1** số tiền còn thiếu theo thỏa thuận là 350.000.000 đồng (do anh **Đoàn Văn T2** và chị **Phạm Thị Ngọc n** thay). Vì vậy phần trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên tại phiên tòa hôm nay không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án: Đối với anh **Phạm Chí T3** là người được bị cáo **N** nhờ chỉ chỗ thuê xe ô tô và cầm cố xe ô tô. Quá trình điều tra xác định **N** là người trực tiếp thực hiện các giao dịch thuê xe ô tô và cầm cố xe cho anh **Nguyễn Hà B1** và anh **Nguyễn Ngọc A**. Anh **T3** không được **N** bàn bạc, bản thân không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc **N** thuê xe và cầm cố xe. Do đó không có căn cứ xác định anh **Phạm Chí T3** đồng phạm với bị cáo **Phạm Văn N**.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và ết"Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố

tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn N** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn N** 05 (năm) áo Phúc\Downloads\28" \o "Năm"năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05/9/2023.

3. Án phí: Bị cáo **Phạm Văn N** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình: 03 bản;
 - Phòng Kiểm tra THA: 04 bản;
 - Phòng PC01 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng PC10 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Trại tạm giam: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Bị hại: 01 bản;
 - Người có QLVN liên quan đến vụ án: 06 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa và HCTP: 02 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thảo